



yǐn liào
饮料

Noun · drink

Example Sentences

wǒ hē yǐn liào

我喝饮料。

I drink a beverage.

qǐng bāng wǒ ná yì píng bù hán táng de yǐn liào xiè xiè

请帮我拿一瓶不含糖的饮料，谢谢。

Please get me a sugar-free drink, thank you.

huì yì qī jiān wǒ men wèi lái bīn zhǔn bèi le duō zhǒng yǐn liào

会议期间，我们为来宾准备了多种饮料。

During the conference, we prepared various drinks for the guests.

Trace each character, then write the word on your own.

饮	饮	饮	饮	饮	饮	饮	饮	饮	饮	
料	料	料	料	料	料	料	料	料	料	料
料	料									